



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103019582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ mười sáu, số 0102365521 ngày 23 tháng 08 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Lô đất C1 KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đặng Viết Mạnh	Chủ tịch HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)
Ông: Đinh Gia Lê	Chủ tịch HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)
Bà: Nguyễn Bích La	Thành viên	
Ông: Phạm Huy Phong	Thành viên	
Ông: Phạm Văn Thắng	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Văn Thắng	Giám đốc
Bà: Nguyễn Bích La	Phó Giám đốc
Bà: Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Thu Hồng	Trưởng ban
Bà: Trần Thị Thu Hương	Thành viên
Ông: Vũ Đức Tính	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Phạm Văn Thắng - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Phạm Văn Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Số: 140825.028/BCTC.KT7

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông được lập ngày 13 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 12/08/2024 và tại ngày 26/03/2025.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AAC

Nguyễn Ngọc Lâm

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1427-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		122.129.154.339	148.343.991.233
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	10.100.366.383	20.033.609.652
111	1. Tiền		10.100.366.383	17.033.609.652
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	38.440.000.000	55.750.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		440.000.000	750.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		38.000.000.000	55.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.443.011.235	36.567.617.874
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	19.611.503.948	33.328.142.262
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	624.563.725	644.667.230
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	4.831.880.987	3.820.335.224
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.624.937.425)	(1.225.526.842)
140	IV. Hàng tồn kho	09	46.619.838.937	33.356.269.894
141	1. Hàng tồn kho		46.619.838.937	33.356.269.894
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.525.937.784	2.636.493.813
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.525.937.784	2.636.493.813
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.069.434.731	26.526.732.228
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.546.376.700	4.761.076.700
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	4.546.376.700	4.761.076.700
220	II. Tài sản cố định		16.719.532.694	17.233.791.751
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	16.154.502.478	16.232.669.703
222	- Nguyên giá		35.276.732.035	35.755.003.558
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.122.229.557)	(19.522.333.855)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	565.030.216	1.001.122.048
228	- Nguyên giá		3.269.697.277	3.269.697.277
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.704.667.061)	(2.268.575.229)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.628.500.000	265.500.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.628.500.000	265.500.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		9.175.025.337	4.266.363.777
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	9.175.025.337	4.266.363.777
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		154.198.589.070	174.870.723.461

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		76.752.045.256	91.688.824.746
310	I. Nợ ngắn hạn		76.752.045.256	91.688.824.746
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	54.451.742.469	47.169.459.963
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	726.144.235	423.248.761
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.527.851.762	7.611.093.571
314	4. Phải trả người lao động		10.431.517.923	29.410.213.550
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.780.142.957	2.620.066.487
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.834.645.910	4.454.742.414
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		77.446.543.814	83.181.898.715
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	77.446.543.814	83.181.898.715
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		39.779.360.000	39.779.360.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		39.779.360.000	39.779.360.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		33.629.178.981	29.440.596.237
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.038.004.833	13.961.942.478
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.014.067.238	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.023.937.595	13.961.942.478
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		154.198.589.070	174.870.723.461

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Hà Huy Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyết

Giám đốc



Phạm Văn Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	124.080.316.704	165.287.572.110
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.080.316.704	165.287.572.110
11	4. Giá vốn hàng bán	21	77.657.258.481	107.940.601.500
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.423.058.223	57.346.970.610
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.874.442.864	1.071.684.707
22	7. Chi phí tài chính	23	97.776.570	10.148.390
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	37.755.352.398	44.036.359.015
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.556.171.069	7.943.000.322
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.888.201.050	6.429.147.590
31	11. Thu nhập khác	26	23.606.326	6.937.413
32	12. Chi phí khác	27	78.176.958	26.301.374
40	13. Lợi nhuận khác		(54.570.632)	(19.363.961)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.833.630.418	6.409.783.629
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	809.692.823	1.271.687.349
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.023.937.595	5.138.096.280
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	760	1.033

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hà Huy Tuấn

Nguyễn Văn Quyết



Phạm Văn Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.833.630.418	6.409.783.629
	2. Điều chỉnh cho các khoản		130.349.243	(491.827.671)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.061.259.751	937.572.676
03	- Các khoản dự phòng		399.410.583	(709.404.570)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.330.321.091)	(719.995.777)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.963.979.661	5.917.955.958
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		13.584.731.672	(3.178.247.282)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(13.263.569.043)	644.379.529
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(14.476.738.284)	(1.217.177.935)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.798.105.531)	(1.213.782.283)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		310.000.000	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.680.000.000)	(3.460.818.266)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(407.821.844)	(307.648.120)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.767.523.369)	(2.815.338.399)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.957.332.272)	(443.494.546)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(36.502.978)	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(21.000.000.000)	(1.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		38.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		764.656.875	744.195.779
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		15.770.821.625	(699.298.767)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.936.541.525)	(5.917.653.150)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.936.541.525)	(5.917.653.150)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.933.243.269)	(9.432.290.316)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		20.033.609.652	39.344.466.716
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	10.100.366.383	29.912.176.400

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hà Huy Tuấn



Nguyễn Văn Quyết



Phạm Văn Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103019582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ mười sáu, số 0102365521 ngày 23 tháng 08 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Lô đất C1 KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội .

Vốn điều lệ của Công ty là: 39.779.360.000 VND; tương đương 3.977.936 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 316 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 343 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Xuất bản, in ấn và phát hành sách giáo dục, sách tham khảo và sản phẩm truyền thông.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xuất bản, phát hành các sản phẩm giáo dục;
- Thiết kế, chế bản in các ấn phẩm phục vụ ngành giáo dục;
- Sản xuất tem chống giả;
- Kinh doanh sách - Thiết bị, đồ dùng dạy học;
- Truyền thông, tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu các sản phẩm thương mại.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các cửa hàng bán lẻ sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Mỹ Đình	Tầng 1 Khu Thương mại - Nhà CT1A - ĐN2 khu đô thị Mỹ Đình II, phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Hoàng Quốc Việt	Số 387 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Xuân La	Số 75B đường Xuân La, phường Tây Hồ, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Times City	T03 SO01 tầng 01 tòa nhà T03 khu đô thị Times số 458 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục

Công ty có các cửa hàng bán lẻ sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Ngô Thị Nhậm	Sân Thương mại văn phòng tầng 1 tòa nhà CT1, khu chung cư Ngô Thị Nhậm, phường Hà Đông, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Trần Phú	Số 129 Trần Phú, phường Hà Đông, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Hoàng Đạo Thúy	Tầng 1 của Văn phòng 2, tòa nhà 17 T2 - T3, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách Thiết bị Giáo dục ADCBook Trần Đại Nghĩa	Số 75A Trần Đại Nghĩa, phường Bạch Mai, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Linh Đàm	Tầng 1 nhà CT4A, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Định Công, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Tây Linh Đàm	Gian hàng số 01 Tầng 1 khu cao tầng B (B1 B2 DV) - CT2 (Twin Towers) lô CT2 Khu đô thị mới Tây Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Tân Mai	593-594, nhà H1, TT Tân Mai, phường Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Nguyễn Trãi	Số 231, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, Tp. Hà Nội.	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Trần Phú	Tầng 1, tòa nhà HESCO đường Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
Trung tâm Sách - Thiết bị Giáo dục ADCBook Thành Thái	Tầng 1, Shophouse 9, Tòa nhà The Park Home, Lô N02 ô D12, KĐT mới Cầu Giấy, phố Thành Thái, phường Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục
ADC Storage	Khu D số 103 đường Vạn Phúc, phường Hà Đông, Tp. Hà Nội	Bán lẻ các sản phẩm sách, văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	Hết khấu hao
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí thuê mặt bằng hệ thống các cửa hàng ADCBook được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng tùy theo kỳ thanh toán tiền thuê được quy định cụ thể theo từng Hợp đồng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chiết khấu thanh toán và lãi bán hàng trả chậm.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xuất bản sách, các ấn phẩm giáo dục, sản phẩm truyền thông và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	259.413.620	109.749.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.840.952.763	16.923.860.609
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
	10.100.366.383	20.033.609.652

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	38.000.000.000	-	55.000.000.000	-
	38.000.000.000	-	55.000.000.000	-

Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 09 tháng đến 12 tháng có giá trị 38.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại Á Châu và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 5,0%/năm đến 5,7%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^[1]	Dự phòng ^[1]	Giá gốc	Giá trị hợp lý ^[2]	Dự phòng ^[2]
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	440.000.000	-	-	750.000.000	1.162.500.000	-
	440.000.000	-	-	750.000.000	1.162.500.000	-

^[1] Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (Mã chứng khoán "EPH") đã hủy đăng ký giao dịch niêm yết theo Quyết định số 1966/TB-SGDHN ngày 08/05/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do vậy, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2025 của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Công ty đánh giá việc trích dự phòng dựa trên Báo cáo tài chính gần nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội.

^[2] Giá trị hợp lý và dự phòng tại ngày 01/01/2025 của Khoản đầu tư được xác định dựa trên giá đóng cửa của Cổ phiếu EPH tại ngày 31/12/2024.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	841.834.606	-	1.275.109.200	-
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	-	-	548.893.579	-
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	836.434.606	-	726.215.621	-
- Viện nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục	5.400.000	-	-	-
Bên khác	18.769.669.342	(1.368.373.907)	32.053.033.062	(1.045.932.379)
- Công ty Cổ phần Giáo dục Bili Việt Nam	5.691.638.654	-	7.027.788.297	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.377.851.014	-	6.877.851.014	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Gia Lai	45.331.900	-	1.008.749.680	-
- Các khách hàng khác	10.654.847.774	(1.368.373.907)	17.138.644.071	(1.045.932.379)
	19.611.503.948	(1.368.373.907)	33.328.142.262	(1.045.932.379)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	-	-
Bên khác	624.563.725	(256.563.518)	644.667.230	(179.594.463)
- Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	256.563.518	(256.563.518)	256.563.518	(179.594.463)
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kinh doanh Toàn Cầu	-	-	175.824.000	-
- Các đối tượng khác	368.000.207	-	212.279.712	-
	624.563.725	(256.563.518)	644.667.230	(179.594.463)

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi dự thu	891.890.411	-	247.054.795	-
- Tạm ứng	692.634.217	-	536.791.406	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	2.537.085.000	-	2.122.385.000	-
- Phải thu thuế TNCN nhân viên	396.551.623	-	717.358.500	-
- Phải thu khác	313.719.736	-	196.745.523	-
	4.831.880.987	-	3.820.335.224	-

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ (*)	4.546.376.700	-	4.761.076.700	-
	4.546.376.700	-	4.761.076.700	-

(*) Phản ánh các khoản Công ty đặt cọc tiền thuê địa điểm kinh doanh dịch vụ, mở các cửa hàng bán sách, thuê kho, ... phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Phải thu khách hàng	2.714.217.829	1.345.843.922	2.714.217.829	1.668.285.450
Công ty Cổ phần phát hành sách TP Hồ Chí Minh - Fahasa	743.446.173	585.636.177	743.446.173	585.636.177
Cửa hàng Sách Thái Dương	208.658.930	104.329.465	208.658.930	104.329.465
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	208.324.753	104.162.377	208.324.753	104.162.377
Các đối tượng khác	1.553.787.973	551.715.903	1.553.787.973	874.157.431
+ Trả trước cho người bán	256.563.518	-	256.563.518	76.969.055
Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	256.563.518	-	256.563.518	76.969.055
	2.970.781.347	1.345.843.922	2.970.781.347	1.745.254.505

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	993.436.342	-	1.063.619.695	-
- Thành phẩm	15.141.984.585	-	15.868.392.542	-
- Hàng hóa	30.484.418.010	-	16.424.257.657	-
	46.619.838.937	-	33.356.269.894	-

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phần mềm Bravo	1.428.500.000	265.500.000
Phần mềm Miniapp Zalo	200.000.000	-
	1.628.500.000	265.500.000

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thống

Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Lô đất C1 KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	18.125.999.284	10.439.667.738	5.734.036.645	1.385.009.003	70.290.888	35.755.003.558
- Mua trong kỳ	-	190.090.545	137.070.283	267.171.444	-	594.332.272
- Thanh lý, nhượng bán	-	(987.462.340)	-	(85.141.455)	-	(1.072.603.795)
- Phân loại lại	-	(1.234.893.587)	-	1.234.893.587	-	-
Số dư cuối kỳ	18.125.999.284	8.407.402.356	5.871.106.928	2.801.932.579	70.290.888	35.276.732.035
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	3.201.148.186	9.423.424.684	5.620.895.919	1.206.574.178	70.290.888	19.522.333.855
- Khấu hao trong kỳ	181.259.994	374.067.722	16.343.471	53.496.732	-	625.167.919
- Thanh lý, nhượng bán	-	(987.462.340)	-	(37.809.877)	-	(1.025.272.217)
- Phân loại lại	-	(1.234.893.587)	-	1.234.893.587	-	-
Số dư cuối kỳ	3.382.408.180	7.575.136.479	5.637.239.390	2.457.154.620	70.290.888	19.122.229.557
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	14.924.851.098	1.016.243.054	113.140.726	178.434.825	-	16.232.669.703
Tại ngày cuối kỳ	14.743.591.104	832.265.877	233.867.538	344.777.959	-	16.154.502.478

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.989.293.948 VND.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	3.269.697.277	3.269.697.277
Số dư cuối kỳ	<u>3.269.697.277</u>	<u>3.269.697.277</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	2.268.575.229	2.268.575.229
- Khấu hao trong kỳ	436.091.832	436.091.832
Số dư cuối kỳ	<u>2.704.667.061</u>	<u>2.704.667.061</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	1.001.122.048	1.001.122.048
Tại ngày cuối kỳ	<u>565.030.216</u>	<u>565.030.216</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	1.772.516.926	1.934.319.427
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	407.164.034	588.539.930
- Phí quản lý xuất bản, phí bản quyền sách	1.300.048.342	-
- Các khoản khác	46.208.482	113.634.456
	<u>3.525.937.784</u>	<u>2.636.493.813</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê cửa hàng, kho, xưởng... chờ phân bổ	7.931.733.333	2.497.733.333
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	450.631.500	562.826.108
- Phí bản quyền sách	144.229.212	470.613.312
- Các khoản khác	648.431.292	735.191.024
	<u>9.175.025.337</u>	<u>4.266.363.777</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.436.263.900	1.436.263.900	34.088.457	34.088.457
- Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	66.763.600	66.763.600	30.043.637	30.043.637
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.369.500.300	1.369.500.300	4.044.820	4.044.820
Bên khác	53.015.478.569	53.015.478.569	47.135.371.506	47.135.371.506
- Công ty TNHH MTV In Tiến Bộ	2.650.932.495	2.650.932.495	5.341.932.882	5.341.932.882
- Công ty Cổ phần In Bao bì Hà Tây	2.213.377.942	2.213.377.942	5.040.837.883	5.040.837.883
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Tây	2.020.886.071	2.020.886.071	2.225.611.941	2.225.611.941
- Nhà xuất bản Kim Đồng	4.487.536.396	4.487.536.396	1.880.476.385	1.880.476.385
- Đối tượng khác	41.642.745.665	41.642.745.665	32.646.512.415	32.646.512.415
	54.451.742.469	54.451.742.469	47.169.459.963	47.169.459.963

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	-	-
Bên khác	726.144.235	423.248.761
- Nhà sách Trí Tuệ Lai Châu	43.703.725	43.703.725
- Công ty TNHH Thiết bị giáo dục và Đồ Chơi Thăng Long STD	169.281.863	34.854.537
- Công ty TNHH Tân Minh (Nhà sách Trẻ - Quảng Bình)	165.192.350	210.309.450
- Các khách hàng khác	347.966.297	134.381.049
	726.144.235	423.248.761

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.065.196.243	1.123.896.824	3.817.069.356	-	372.023.711
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.098.685.688	809.692.823	3.680.000.000	-	228.378.511
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.447.211.640	1.940.620.585	2.460.382.685	-	927.449.540
- Các loại thuế khác	-	-	22.000.000	22.000.000	-	-
	-	7.611.093.571	3.896.210.232	9.979.452.041	-	1.527.851.762

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.670.255.969	1.630.915.713
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	54.316.725	23.954.250
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.053.570.263	965.196.524
	2.780.142.957	2.620.066.487

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	39.779.360.000	24.022.052.102	14.231.810.170	78.033.222.272
Lãi trong kỳ trước	-	-	5.138.096.280	5.138.096.280
Phân phối lợi nhuận	-	5.418.544.135	(14.231.810.170)	(8.813.266.035)
Số dư cuối kỳ trước	39.779.360.000	29.440.596.237	5.138.096.280	74.358.052.517
Số dư đầu kỳ này	39.779.360.000	29.440.596.237	13.961.942.478	83.181.898.715
Lãi trong kỳ này	-	-	3.023.937.595	3.023.937.595
Phân phối lợi nhuận	-	4.188.582.744	(12.947.875.240)	(8.759.292.496)
Số dư cuối kỳ này	39.779.360.000	33.629.178.981	4.038.004.833	77.446.543.814

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQĐHCĐ-MTTT ngày 25 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	13.961.942.478
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	4.188.582.744
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	2.094.291.372
Trích Quỹ điều hành của HĐQT, BKS	698.097.124
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.500 đồng)	5.966.904.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	14.877.720.000	37.40	14.877.720.000	37.40
Cổ đông khác	24.901.640.000	62.60	24.901.640.000	62.60
	39.779.360.000	100.00	39.779.360.000	100.00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	39.779.360.000	39.779.360.000
- Vốn góp cuối kỳ	39.779.360.000	39.779.360.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	23.954.250	38.198.170
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	5.966.904.000	5.966.904.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.966.904.000	5.966.904.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(5.936.541.525)	(5.917.653.150)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(5.936.541.525)	(5.917.653.150)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	54.316.725	87.449.020

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.977.936	3.977.936
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	33.629.178.981	29.440.596.237
	33.629.178.981	29.440.596.237

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Tên lô đất/Địa điểm thuê	Diện tích thuê	Mục đích thuê
Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội	360 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	215 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	445 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội	276 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội		Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	530,4m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Đường Nguyễn Trãi (129 Trần Phú), Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội		Phục vụ mục đích kinh doanh
Km số 10 đường Nguyễn Trãi, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	404 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	212,5 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Xã Đông Anh, Thành phố Hà Nội	320,8 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	200 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	219,9 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội		Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	1833m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Định Công, Thành phố Hà Nội	260,4m2	Phục vụ mục đích kinh doanh
Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	437 m2	Phục vụ mục đích kinh doanh

b) Các thông tin khác

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hàng hóa nhận ký gửi	26.705.913.295	31.282.643.885

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng (Sách và các ấn phẩm khác)	104.561.102.495	112.192.843.761
Doanh thu bán thành phẩm (Xuất bản sách và tem chống giả)	15.680.214.275	51.378.448.781
Doanh thu cung cấp dịch vụ (Thiết kế, biên tập, chế bản sách,...)	3.227.264.365	637.704.510
Doanh thu khác	611.735.569	1.078.575.058
	124.080.316.704	165.287.572.110
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	96.319.500	23.408.142.786

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán (Sách và các ấn phẩm khác)	66.724.183.470	78.275.451.161
Giá vốn của thành phẩm đã bán (Xuất bản sách và tem chống giả)	7.469.305.619	27.116.406.432
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (Thiết kế, biên tập, chế bản sách,...)	3.106.497.496	486.166.356
Thuế GTGT không được khấu trừ	349.368.490	1.357.721.550
Giá vốn hoạt động khác	7.903.406	704.856.001
	77.657.258.481	107.940.601.500
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	1.660.005.519	2.261.905.556

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.319.492.491	622.495.777
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.000.000	97.500.000
Chiết khấu thanh toán	464.950.373	351.688.930
	1.874.442.864	1.071.684.707

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	97.776.570	10.148.390
	97.776.570	10.148.390

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	97.522.725
Chi phí nhân công	13.003.776.005	20.009.343.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.745.675	137.926.964
Thuế, phí và lệ phí	31.034.225	23.312.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.536.611.044	16.445.919.622
Chi phí khác bằng tiền	8.013.185.449	7.322.334.102
	37.755.352.398	44.036.359.015

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	214.520.506	274.040.547
Chi phí nhân công	2.917.262.951	4.311.518.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	451.019.272	576.719.581
Chi phí /(Hoàn nhập) dự phòng	399.410.583	(709.404.570)
Thuế, phí và lệ phí	3.090.000	19.090.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.062.844.819	951.152.973
Chi phí khác bằng tiền	1.508.022.938	2.519.882.908
	6.556.171.069	7.943.000.322

26. THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	10.828.600	-
Thu nhập khác	12.777.726	6.937.413
	23.606.326	6.937.413

27. CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại thanh lý tài sản cố định	47.331.578	-
Các khoản bị phạt	13.626.139	11.950.000
Chi phí khác	17.219.241	14.351.374
	78.176.958	26.301.374

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.833.630.418	6.409.783.629
Các khoản điều chỉnh tăng	304.833.699	46.153.114
- Chi phí không hợp lệ	164.433.699	46.153.114
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	140.400.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(90.000.000)	(97.500.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(90.000.000)	(97.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.048.464.117	6.358.436.743
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	809.692.823	1.271.687.349
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	3.098.685.688	3.042.581.554
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(3.680.000.000)	(3.460.818.266)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	228.378.511	853.450.637

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.023.937.595	5.138.096.280
Các khoản điều chỉnh:	-	1.027.619.256
- Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	1.027.619.256
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.023.937.595	4.110.477.024
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.977.936	3.977.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	760	1.033

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.341.674.766	3.899.289.044
Chi phí nhân công	20.104.759.118	28.019.645.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.061.259.751	714.646.545
Chi phí dự phòng	399.410.583	(709.404.570)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.635.849.589	16.796.414.609
Chi phí khác bằng tiền	11.625.868.224	11.006.035.716
	54.168.822.031	59.726.627.334

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư ngắn hạn	440.000.000	-	-	440.000.000
	440.000.000	-	-	440.000.000
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư ngắn hạn	1.162.500.000	-	-	1.162.500.000
	1.162.500.000	-	-	1.162.500.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2025	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.840.952.763	-	-	9.840.952.763
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.075.011.028	4.546.376.700	-	27.621.387.728
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	38.000.000.000	-	-	38.000.000.000
	70.915.963.791	4.546.376.700	-	75.462.340.491
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.923.860.609	-	-	19.923.860.609
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.102.545.107	4.761.076.700	-	40.863.621.807
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	55.000.000.000	-	-	55.000.000.000
	111.026.405.716	4.761.076.700	-	115.787.482.416

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2025	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	57.231.885.426	-	-	57.231.885.426
	57.231.885.426	-	-	57.231.885.426
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	49.789.526.450	-	-	49.789.526.450
	49.789.526.450	-	-	49.789.526.450

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	Đơn vị trực thuộc Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát.	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.319.500	23.408.142.786
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	90.509.500	395.245.331
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	810.000	10.690.148.655
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	3.177.300.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	6.949.048.800
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	-	2.189.400.000
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	5.000.000	7.000.000
Mua hàng	1.660.005.519	2.261.905.556
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	33.999.966	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.626.005.553	2.261.905.556

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị			
- Đặng Việt Mạnh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)	21.333.333	-
- Đinh Gia Lê	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)	280.000.000	114.000.000
- Nguyễn Bích La	Thành viên	156.000.000	114.000.000
- Phạm Huy Phong	Thành viên	156.000.000	114.000.000
- Phạm Văn Thắng	Thành viên	156.000.000	114.000.000
		769.333.333	456.000.000
Thù lao thành viên Ban kiểm soát			
- Nguyễn Thị Thu Hồng	Trưởng ban	78.000.000	57.000.000
- Trần Thị Thu Hương	Thành viên	39.000.000	28.500.000
- Vũ Đức Tính	Thành viên	39.000.000	28.500.000
		156.000.000	114.000.000
Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và người quản lý khác			
- Phạm Văn Thắng	Giám đốc	454.298.020	359.597.957
- Các thành viên quản lý khác		1.225.414.867	985.770.522
		1.679.712.887	1.345.368.479

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Người lập biểu



Hà Huy Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyết

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Giám đốc



Phạm Văn Thắng

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | **F:** (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | **F:** (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | **F:** (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam